

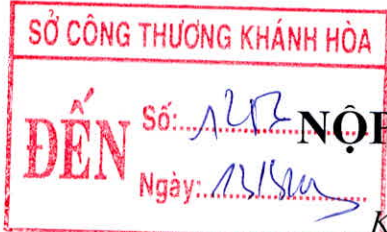
CÔNG TY
TNHH KIM THIÊN THỦY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01 /KTT/2023

Nha Trang, ngày 13 tháng 03 năm 2023



GIẤY ĐĂNG KÝ

NỘP BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Kính gửi: Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành 1 số điều của Luật An toàn Thực phẩm trong đó có hướng dẫn về thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm và Nghị định 115/2018/ND-CP ngày 4/9/2018 về quy định xử phạt hành chính về ATTP.

Nay Công ty TNHH Kim Thiên Thủy kính đề nghị được nộp về Sở Công Thương bản Tự công bố đối với sản phẩm: **TỔ YẾN ĂN LIỀN MS**

Hồ sơ gồm có:

1. Bản tự công bố sản phẩm
2. Phiếu kết quả kiểm nghiệm
3. Nội dung dự thảo ghi nhãn sản phẩm

Công ty chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với tính pháp lý, an toàn chất lượng đối với sản phẩm công bố.

Rất mong nhận được sự hỗ trợ!

Xin chân thành cảm ơn

Giám đốc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01 /KTT/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY

Địa chỉ trụ sở: Phòng số 32- tầng 9, 180 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 62879133

Email: kimthienthuycompany@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0312886305

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: TỔ YẾN ĂN LIỀN MS

2. Thành phần: Tổ yến (85 %), đường phèn.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi PET/AL/PEDP, bên ngoài bằng hộp giấy Carton, bao bì sạch đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.

Thể tích thực: 10g/túi, 1 túi/ hộp hoặc khối lượng thực khác theo yêu cầu của khách hàng được thể hiện rõ ràng trên nhãn sản phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỰC PHẨM KIM THIÊN THỦY – CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY

Địa chỉ sản xuất: Lô B3- Cụm Công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh,
tỉnh Khánh Hòa.

Xuất xứ: Việt Nam

Giấy chứng nhận Cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm số: 18/GCNATTP-SCT, do Sở Công Thương tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 09/3/2023.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-2:2011/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Nha Trang, ngày 13 tháng 3 năm 2023
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Trần Phan Hoàng Sinh



DỰ THẢO NHÃN
Tổ yến ăn liền MS

| | Thông tin |
|------------------------------|--|
| Tên sản phẩm | TỔ YẾN ĂN LIỀN MS |
| Thành phần | Tổ yến (85 %), đường phèn. |
| Định lượng | 10g/túi, 1 túi/ hộp hoặc khối lượng thực khác theo yêu cầu của khách hàng được thể hiện rõ ràng trên nhãn sản phẩm. |
| Hướng dẫn sử dụng | Cho 1 gói Tổ yến ăn liền vào chén, Cho vừa đủ 150 ml nước đun sôi (100 °C). Đậy nắp kín trong 5 phút, mở nắp, khuấy đều và thưởng thức. |
| Hướng dẫn bảo quản | Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. |
| Thông tin cảnh báo | Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng, hoặc bao bì không nguyên vẹn. Sử dụng liền ngay sau khi mở gói sản phẩm. |
| NSX HSD | NSX: in trên bao bì. HSD: 18 tháng kể từ ngày sản xuất. |
| Xuất xứ | Việt Nam |
| Thương nhân chịu trách nhiệm | Công ty TNHH Kim Thiên Thủy. Địa chỉ: Phòng số 32- tầng 9, 180 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. |
| Nơi sản xuất | Sản xuất tại: Nhà Máy Chế Biến Thực Phẩm Kim Thiên Thủy- Chi Nhánh Công Ty TNHH Kim Thiên Thủy. Địa chỉ: Lô B3 - Cụm Công nghiệp Diên Phú, xã Diên Phú, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. |



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code
BN32211.01165245
MM32211.011652451

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 29/11/2022

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY
Địa chỉ/ Address : PHÒNG SỐ 32- TẦNG 9, 180 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên mẫu/ Name of sample : TỔ YẾN ĂN LIỀN MS
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong túi nhựa.
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 01/11/2022
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 11/11/2022

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|----------------------------|--|
| 1 | 4-Hydroxyproline | mg/100g | 116 | CASE.SK.0183 (Ref. TCVN 8764:2012) |
| 2 | Amino acid | mg/100g | 45518,38 ; Xem đính kèm | CASE.SK.0183 (Ref. TCVN 8764:2012) (*) |
| 3 | Tổng Cystine và Cysteine | mg/100g | 1473 | CASE.SK.0183 (Ref. TCVN 8764:2012) |
| 4 | Tryptophan | mg/100g | 438 | CASE.SK.0184 (Ref. AOAC 988.15) (*) |

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 00000680 Quyền số SCT/BS

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ VĨNH NGỌC

Nguyễn Lâm Kiều Diễm

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

Nguyễn Trường Thọ

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

18001105

(84.28) 3911 7216

casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(84.292) 3918217 - 3918 218

kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;

ketoancanthon@case.vn

case.com.vn

VF ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(84.258) 246 5255

(84.258) 246 5355

vanphongmientrung@case.vn



CASE

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST REPORT

BN32211.01165245/ MM32211.011652451

| STT No. | Nhóm Group | Chỉ tiêu kiểm nghiệm Parameters | Kết quả Result | Đơn vị Unit | Phương pháp Method |
|------------|---------------|------------------------------------|-------------------|----------------|---|
| 1 | Acid amin | Alanine | 1429,72 | mg/100g | CASE.SK.0183 (Ref. TCVN 8764:2012) (*) |
| 2 | | Arginine | 3562,24 | | |
| 3 | | Aspartic acid | 4657,77 | | |
| 4 | | Glutamic acid | 3807,21 | | |
| 5 | | Glycine | 1905,56 | | |
| 6 | | Histidine | 1953,24 | | |
| 7 | | Isoleucine | 1583,82 | | |
| 8 | | Leucine | 3643,31 | | |
| 9 | | Lysine | 2364,87 | | |
| 10 | | Methionine | 338,58 | | |
| 11 | | Phenylalanine | 3386,56 | | |
| 12 | | Proline | 4395,09 | | |
| 13 | | Serine | 3831,32 | | |
| 14 | | Threonine | 3398,56 | | |
| 15 | | Tyrosine | 1611,65 | | |
| 16 | | Valine | 3648,88 | | |
| Tổng/Sum | | | 45518,38 | | |

---KẾT THÚC/ FINISH---

*KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

*Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

*Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
A fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

VP SỐ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
(F): F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(T): (84.292) 3918217 - 3918 218
(E): kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketoancanthon@case.vn
(W): case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
(F): STH278, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(T): (84.258) 246 5255
(F): (84.258) 246 5355
(E): vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



VIMCERTS
147

Mã số mẫu/ Sample code
BN32211.01165245
MM32211.011652451

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 29/11/2022

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**
Địa chỉ/ Address : **PHÒNG SỐ 32- TẦNG 9, 180 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Tên mẫu/ Name of sample : **TỔ YẾN ĂN LIỀN MS**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong túi nhựa.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **01/11/2022**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **11/11/2022**

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|--|
| 1 | Cd | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,02 | CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*) |
| 2 | Pb | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,2 | CASE.TN.0018 (Ref. AOAC 999.11) (*) |

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Handwritten signature

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... **00000661** Quyển số..... **SCT/BS**

Ngày **13** tháng **3** năm 20 **23**

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ VĨNH NGỌC



Handwritten signature
Nguyễn Hoàng Ngọc Hân

Nguyễn Lâm Kiều Diễm

Nguyễn Trường Thọ

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH

(9) 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

(T) 18001105

(S) (84.28) 3911 7216

(E) casecm@casevn

CN CẦN THƠ

(9) F267 - F268, Đường số 6, KDC 596, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

(T) (84.292) 3918217 - 3918 218

(E) kinhdoanhcantho@casevn ; nhanmaucanthon@casevn ;

ketoancanthon@casevn

(W) case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(9) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

(T) (84.258) 246 5255

(S) (84.258) 246 5355

(E) vanphongmientrung@casevn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



| | | |
|---|---|--|
| Mã số mẫu/ Sample code BN32211.25161409 MM32211.251614091 | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT | BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 03/12/2022 |
|---|---|--|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**
Địa chỉ/ Address : **PHÒNG SỐ 32- TẦNG 9, 180 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Tên mẫu/ Name of sample : **TỔ YẾN ẼN LIỀN MS**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong túi nhựa.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **25/11/2022**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **03/12/2022**

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------------------|--|
| 1 | Hg | mg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,01 | CASE.TN.0141 (EPA Method 7473 Manual MA 3000 – hãng NIPPON Instruments corporation) (*) |

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.
MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION

Handwritten signature

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực..... **00000662** SCT/BS

Ngày..... **13** tháng **3** năm 20**23**

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ VĨNH NGỌC



Nguyễn Lâm Kiều Diễm

Lý Tuấn Kiệt



Nguyễn Trường Thọ

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.

3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
191/02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎: **18001105**
☎: (84.28) 3911 7216
✉: casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
191/ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎: (84.292) 3918217 - 3918 218
✉: kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucancho@case.vn ;
ketoancantho@case.vn
☎: case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
191/ STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎: (84.258) 246 5255
☎: (84.258) 246 5355
✉: vanphongmien trung@case.vn



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TP. HỒ CHÍ MINH
DEPARTMENT OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

TRUNG TÂM DỊCH VỤ PHÂN TÍCH THÍ NGHIỆM TP. HỒ CHÍ MINH
CENTER OF ANALYTICAL SERVICES AND EXPERIMENTATION HCMC



| | | |
|---|---|--|
| Mã số mẫu/ Sample code BN32211.01165245 MM32211.011652451 | KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT | BMKD 03/1 - LBH 01 Ngày/ Date: 29/11/2022 |
|---|---|--|

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH KIM THIÊN THỦY**
Địa chỉ/ Address : **PHÒNG SỐ 32- TẦNG 9, 180 NGUYỄN CÔNG TRÚ, PHƯỜNG NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Tên mẫu/ Name of sample : **TỔ YẾN ẼN LIỀN MS**
Số lượng/ Quantity : **1**
Mô tả mẫu/ Sample description : **Mẫu đựng trong túi nhựa.**
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **01/11/2022**
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : **11/11/2022**

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--|------------------------------------|
| 1 | Aflatoxin B1 | µg/kg | Không phát hiện, MDL = 0,1 | CASE.SK.0018 (HPLC) (*) |
| 2 | Aflatoxin B1, B2, G1, G2 | µg/kg | Aflatoxin B1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin B2: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G1: Không phát hiện, MDL = 0,1 Aflatoxin G2: Không phát hiện, MDL = 0,1 | CASE.SK.0018 (HPLC) (*) |
| 3 | Bacillus cereus | CFU/g | < 10 | ISO 7932:2004 (*) |
| 4 | Clostridium perfringens | CFU/g | < 10 | ISO 7937:2004 (*) |
| 5 | Coliforms | CFU/g | < 10 | ISO 4832:2006 (*) |
| 6 | Escherichia coli | CFU/g | < 10 | ISO 16649-2:2001 (*) |
| 7 | Salmonella spp. | /25g | Không phát hiện | TCVN 8342:2010 (*) |
| 8 | Staphylococcus aureus | CFU/g | < 10 | ISO 6888-1:1999/Amd.1. 2003 (*) |
| 9 | Tổng nấm men, nấm mốc | CFU/g | < 10 | ISO 21527-2:2008 (*) |

1/ KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ/ THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.
2/ Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample information is written as customer's request.
3/ Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE/
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

TRỤ SỞ CHÍNH
02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918217 - 3918 218
✉ kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketoan@case.vn
☎ case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmienntrung@case.vn

| STT/ No | Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters | Đơn vị tính/ Unit | Kết quả/ Result | Phương pháp/ Test method |
|------------|-------------------------------------|----------------------|--------------------|-----------------------------|
| 10 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) | CFU/g | < 10 | ISO 4833-1:2013 (*) |

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/
According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory

TL.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG/ HEAD OF DIVISION



Nguyễn Lâm Kiều Diễm

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 0000 06 64 Quyền số SCT/BS

Ngày 13 tháng 3 năm 2023

PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ VĨNH NGỌC

Nguyễn Hoàng Ngọc Hân



Nguyễn Trường Thọ

* KẾT QUẢ NÀY CHỈ CÓ GIÁ TRỊ TRÊN MẪU THỬ / THIS RESULT IS ONLY VALID ON TESTED SAMPLE.

* Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng / The sample information is written as customer's request.

* Không được sao chép toàn bộ hoặc một phần kết quả này dưới bất kỳ hình thức nào nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của CASE /
No fully or partial of this result may be reproduced in any form without prior permission in writing from CASE.

LIÊN HỆ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, TP. HCM
18001105
(84.28) 3911 7216
casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

(F) F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
(T) (84.292) 3918217 - 3918 218
(E) kinhdoanhcantho@case.vn ; nhanmaucanthon@case.vn ;
ketoancanthon@case.vn
(W) case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

(F) STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
(T) (84.258) 246 5255
(F) (84.258) 246 5355
(E) vanphongmien trung@case.vn